

Nam Tân, ngày 07 tháng 4 năm 2022

BIÊN BẢN

Về việc công khai thực hiện dự toán quý I ngân sách xã năm 2022

Hôm nay, ngày 07 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở UBND xã Nam Tân, thành phần gồm có:

1. Ông Hoàng Văn Toan: Chủ tịch UBND xã
2. Ông Trịnh Đại Dương: Phó chủ tịch UBND xã
3. Ông Đỗ Văn Thắng: Công chức Tư pháp – Hộ tịch
4. Bà Đỗ Thị Thúy Quỳnh: Tài chính - Kế toán xã
5. Ông Đỗ Văn Hóa: Công chức Văn phòng – Thống kê

Đã tiến hành kiểm tra, xác định các biểu mẫu công khai thực hiện dự toán quý I ngân sách xã năm 2022.

Tổng số biểu mẫu công khai: 03 biểu kèm theo quyết định công khai của UBND xã. Trong đó:

- Biểu số 113: Cân đối dự toán ngân sách xã quý I năm 2022
- Biểu số 114: Ước thực hiện thu ngân sách xã quý I năm 2022.
- Biểu số 115: Ước thực hiện chi ngân sách xã quý I năm 2022.

Thời gian công khai: 30 ngày, từ ngày 07/04/2021-07/05/2022.

Địa điểm công khai: Tại phòng trực tiếp dân UBND xã Nam Tân.

Biên bản được lập thành 03 bản nhau, gửi phòng Tài chính – Kế hoạch 01 bản; Công khai tại phòng tiếp dân 01 bản; lưu kế toán 01 bản.

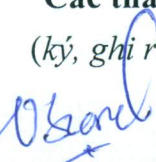
Người lập biên bản
(ký, ghi rõ họ tên)


Đỗ Thị Thúy Quỳnh

TM. UBND XÃ
(ký tên, đóng dấu)


CHỦ TỊCH
HOÀNG VĂN TOAN

Các thành viên
(ký, ghi rõ họ tên)


Trịnh Đại Dương

Đỗ Văn Hóa

Đỗ Văn Thắng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 92/QĐ-UBND

Nam Tân, ngày 7 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã Nam Tân
Quý I năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 5115/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách về việc giao chỉ tiêu, kế hoạch nhà nước năm 2022 cho xã Nam Tân;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Nam Tân về việc quyết định dự toán ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của Tài chính - Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý I năm 2022 của xã Nam Tân (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Công chức Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, TC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Chủ tịch



Hoàng Văn Toàn

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	Tổng số thu	6.583.600	5.783.120	87,84
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	190.000	3.540	1,86
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	2.065.500	4.290.729	207,73
3	Thu bổ sung	4.328.100	960.000	22,18
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	2.690.100	960.000	35,69
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	1.638.000		
4	Thu chuyển nguồn		528.851	
II	Tổng số chi	6.453.400	729.760	11,31
1	Chi đầu tư phát triển	1.800.000		
2	Chi thường xuyên	4.360.400	729.760	16,74
3	Chi dự phòng	293.000		
4	Nguồn cải cách tiền lương			

NGƯỜI LẬP


Đỗ Thị Thúy Quỳnh



Hoàng Văn Toàn

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG THU	6.583.600	6.583.600	5.783.120	5.783.120	87,84	87,84
I	Các khoản thu 100%	190.000	190.000	3.540	3.540	1,86	1,86
1	Phí, lệ phí	15.000	15.000	940	940	6,27	6,27
2	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	150.000	150.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Đóng góp chùa nhân dân theo quy định						
6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
7	Thu khác	25.000	25.000	2.600	2.600	10,40	10,40
II	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	2.065.500	2.065.500	4.290.729	4.290.729	207,73	207,73
1	Các khoản thu phân chia	41.500	41.500	132.636	132.636	319,60	319,60
	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	7.000	7.000				
	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình</i>						
	<i>Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	4.500	4.500	2.900	2.900	64,44	64,44
	<i>Lệ phí trước bạ nhà, đất</i>	30.000	30.000	129.736	129.736	432,45	432,45
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.024.000	2.024.000	4.158.093	4.158.093	205,44	205,44
	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	16.000	16.000	4.560	4.560	28,50	28,50
	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	8.000	8.000	26.386	26.386	329,83	329,83
	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	2.000.000	2.000.000	4.127.147	4.127.147	206,36	206,36
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
IV	Thu chuyển nguồn			528.851	528.851		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.328.100	4.328.100	960.000	960.000	22,18	22,18
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	2.690.100	2.690.100	960.000	960.000	35,69	35,69
	Thu bổ sung có mục tiêu	1.638.000	1.638.000				

NGƯỜI LẬP

Đỗ Thị Thúy Quỳnh



Hoàng Văn Toàn

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	6.583.600	2.000.000	4.583.600	729.760		729.760	11,08		15,92
	Trong đó:									
1	Chi Giáo dục	1.112.500	1.100.000	12.500						
2	Chi ứng dụng, CGCN									
3	Chi y tế	12.500		12.500						
4	Chi văn hoá, thông tin	20.300		20.300						
5	Chi phát thanh, truyền hình	54.675		54.675	9.119		9.119	16,68		16,68
6	Chi thể dục thể thao	40.300		40.300						
7	Chi bảo vệ môi trường	20.300		20.300						
8	Chi các hoạt động kinh tế	54.500		54.500						
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.669.279	700.000	3.969.279	662.441		662.441	14,19		16,69
10	Chi công tác xã hội	298.846		298.846	58.200		58.200	19,47		19,47
11	Chi khác	5.000		5.000						
12	Dự phòng ngân sách	295.400	200.000	95.400						

NGƯỜI LẬP

Quỳnh

Đỗ Thị Thúy Quỳnh



TM. UBND XÃ
Chủ tịch

Hoàng Văn Toàn